TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc *"tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị Q, sinh năm 1996,
ĐKHKTT: khu 1, xã P, thị xã A, tỉnh A.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990,
ĐKHKTT: khu 1, xã P, thị xã A, tỉnh A.
(Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vi Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hộ, thị xã A, tỉnh A. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận. Sau đó một thời gian chị Q đi lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị Vi Thị Q xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 17/9/2013 và cháu Nguyễn Ngọc T G, sinh ngày 02/01/2020. Sau khi ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng/02 con cho đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Vi Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: chị Vi Thị Q xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Nguyễn Ngọc T hiện nay đang ở Việt Nam. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 1, xã Phú Hộ, thị xã A, tỉnh A. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh T đến làm việc để yêu cầu anh trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Q nhưng anh T không đến, không hợp tác nên không có lời trình bày quan điểm trong hồ sơ. Tòa án đã tiến hành xác minh qua bà Nguyễn Thị Y (mẹ đẻ anh T) thì được gia đình cung cấp: anh T và gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Việc chị Q khởi kiện xin ly hôn anh T bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh T, chị Q 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 17/9/2013 và cháu Nguyễn Ngọc T G, sinh ngày 02/01/2020. Hiện nay 02 cháu B và G đang ở cùng anh T. Việc học tập, chăm lo đời sống của các cháu đều do một tay anh T lo lắng từ nhỏ cho đến giờ. Bà Y đề nghị Tòa án giao cháu B và G cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh T, chị Q ly hôn. Bà Y cũng nhất trí nhận thay anh T các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết ly hôn với chị Q.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Q. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Vi Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 17/9/2013 và cháu Nguyễn Ngọc T G, sinh ngày 02/01/2020 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Vi Thị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng/02 con cho đến khi các con chung thành niên. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Vi Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Vi Thị Q nộp đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn chị Q trình bày hiện nay chị đang sống và làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số: 7533/QLXNC-P3 ngày 15/4/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: "*Vi Thị Q, sinh ngày 13/8/1996, đã xuất cảnh ngày 03/9/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước".* Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Trong vụ án này chị Q đang ở nước ngoài và đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Ngọc T nhưng anh T đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Q, anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Vi Thị Q và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn ngày 27/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hộ, thị xã A, tỉnh A. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống giữa chị Q và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của chị Q trong Đơn khởi kiện, bản tự khai gửi từ nước ngoài về Việt Nam. Tại Kết luận giám định số 978/KLGĐ-KTHS ngày 10/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận như sau: "*Chữ ký dạng chữ viết "Q" và các chữ "Vi Thị Q" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết "Q" và các chữ "Vi Thị Q" trên mẫu so sánh (ký hiệu M)* ***là do cùng một người ký và viết ra***". Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc chị Q hoàn toàn tự nguyện xin ly hôn anh T.

Xét thấy: anh T hiện đang có mặt tại nơi cư trú (công an xã Phú Hộ đã xác nhận nội dung này). Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh T các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh T đã nhận được các văn bản này nhưng anh T không đến làm việc, không hợp tác nên được xác định là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh T là phù hợp với quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị Q và anh T đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Vi Thị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị Q được chấp nhận.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị Q và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 17/9/2013 và cháu Nguyễn Ngọc T G, sinh ngày 02/01/2020. Chị Q đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi anh chị ly hôn.

Xét thấy, hiện nay cả 02 cháu B và cháu G đang ở cùng với anh T ở Việt Nam, còn chị Q đang ở nước ngoài không có mặt ở Việt Nam. Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Ánh thể hiện mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn; cháu G hiện vẫn đang còn nhỏ. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và việc học tập của các con chung, cần giao cả 02 cháu B và cháu G cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh T, chị Q ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con chung của anh T, chị Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Q đối với 02 cháu B và cháu G là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng/02 con cho đến khi các con chung thành niên.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Vi Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 17/9/2013 và cháu Nguyễn Ngọc T G, sinh ngày 02/01/2020 cho anh

Nguyễn Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Vi Thị Q phải cấp dưỡng nuôi các con chung với mức cấp dưỡng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng/02 cháu kể từ tháng 08/2024 cho đến khi các con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Chị Vi Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Vi Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Vi Thị Q (do chị Lê Thị Thu Dung nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000274 ngày 10/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A. Chị Vi Thị Q còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Vi Thị Q là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Viết Anh